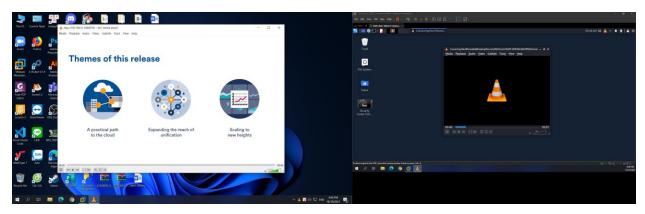
# Bài thực hành số 3

# Ảnh phần 1



Video được stream từ máy có IP là: 192.168.31.128:8554

1. Chọn một gói tin UDP, xác định các trường (field) có trong UDP header và giải thích ý nghĩa của mỗi trường đó? Gợi ý: Xem tại phần User Datagram Protocol

```
V User Datagram Protocol, Src Port: 53051, Dst Port: 60738
    Source Port: 53051
    Destination Port: 60738
    Length: 53
    Checksum: 0x2c8d [unverified]
    [Checksum Status: Unverified]
    [Stream index: 3]
    Timestamps]
    UDP payload (45 bytes)
> Real-Time Transport Protocol
```

Xét gói tin số 36

Source Port: Port nguồn

Destination Port: Port đích

Length: Độ dài gói tin

Checksum: Giá trị kiểm tra

2. Qua thông tin hiển thị của Wireshark, xác định độ dài (tính theo byte) của mỗi trường trong UDP header?

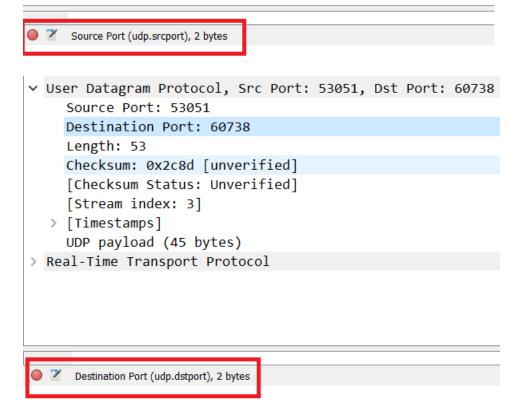
Source Port: 2 bytes

**Destination Port: 2 bytes** 

Length: 2 bytes

Checksum: 2 bytes

```
Vuser Datagram Protocol, Src Port: 53051, Dst Port: 60738
    Source Port: 53051
    Destination Port: 60738
    Length: 53
    Checksum: 0x2c8d [unverified]
    [Checksum Status: Unverified]
    [Stream index: 3]
    [Timestamps]
    UDP payload (45 bytes)
    Real-Time Transport Protocol
```



User Datagram Protocol, Src Port: 53051, Dst Port: 60738 Source Port: 53051 Destination Port: 60738 Length: 53 Checksum: 0x2c8d [unverified] [Checksum Status: Unverified] [Stream index: 3] > [Timestamps] UDP payload (45 bytes) > Real-Time Transport Protocol Length (udp.length), 2 bytes ∨ User Datagram Protocol, Src Port: 53051, Dst Port: 60738 Source Port: 53051 Destination Port: 60738 Length: 53 Checksum: 0x2c8d [unverified] [Checksum Status: Unverified] [Stream index: 3] > [Timestamps] UDP payload (45 bytes) > Real-Time Transport Protocol

3. Giá trị của trường Length trong UDP header là độ dài của gì? Chứng minh nhận định này?

Details at: https://www.wireshark.org/docs/wsug\_html\_chunked/ChAdvChecksums.html (udp.checksum), 2 bytes

Là độ dài header + độ dài data

Chứng minh

```
Frame 26: 46 bytes on wire (368 bits), 46 bytes captured (368 bits) on interface \Device\NPF_{0416F410-8671-4E38-BAFF-0D0AAA0B4F0B}, id 0
 Ethernet II, Src: VMware_c0:00:08 (00:50:56:c0:00:08), Dst: VMware_ec:a4:18 (00:0c:29:ec:a4:18)
 Internet Protocol Version 4, Src: 192.168.31.1, Dst: 192.168.31.128
v User Datagram Protocol, Src Port: 60738, Dst Port: 53051
    Source Port: 60738
    Destination Port: 53051
    Length: 12
    Checksum: 0xc68b [unverified]
    [Checksum Status: Unverified]
    [Stream index: 3]
  > [Timestamps]
    UDP payload (4 bytes)
 Real-Time Transport Protocol
 Data (4 bytes)
Length (udp.length), 2 bytes
                                                                                                                                  Packets: 1383 · D
```

### Xét gói số 26

Length: 12 = 2 bytes (Header TCP) + 4 bytes (Data)

4. Số bytes lớn nhất mà payload (phần chứa dữ liệu gốc, không tính UDP header và IP header) của UDP có thể chứa?

Là  $(2^16) - 1$  (do giá trị gtrong 16 bit) - 8 bytes header.

=>65535-8=65527 bytes

5. Giá trị lớn nhất có thể có của port nguồn (Source port)?

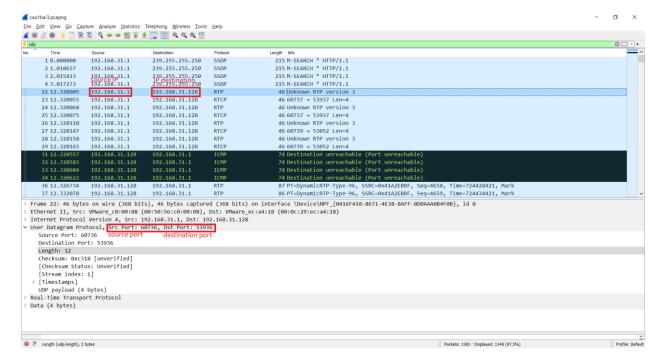
 $=> (2^16) - 1 = 65535$  bytes

6. \* Tìm và kiểm tra một cặp gói tin sử dụng giao thức UDP gồm: gói tin do máy mình gửi và gói tin phản hồi của gói tin đó. Miêu tả mối quan hệ về port number của 2 gói tin này. Gợi ý: Có thể bắt gói tin UDP ở một tình huống khác để tìm được 1 cặp gói tin như trên.

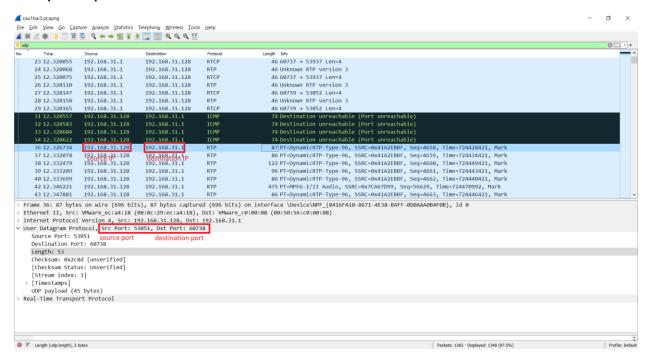
Trong quá trình gửi yêu cầu, IP nguồn gửi request packet sẽ trở thành destination và source port sẽ trở thành destination port còn IP của người gửi respone sẽ trở thành IP source.

Lấy ví dụ gói tin 22 và 36

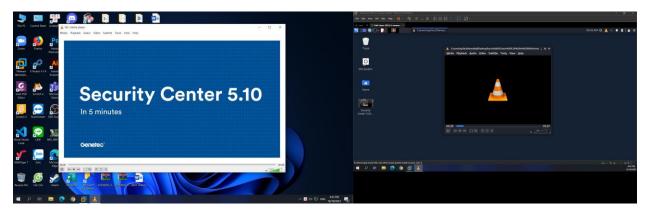
Request packet:



#### Respone packet:



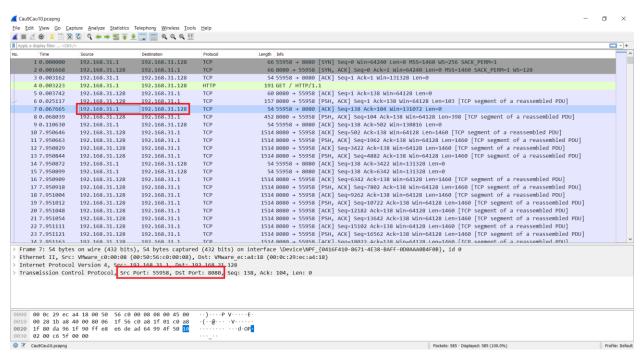
## Ảnh phần 2



7. Tìm địa chỉ IP và TCP port của máy Client?

Địa chỉ IP của client: 192.168.31.1

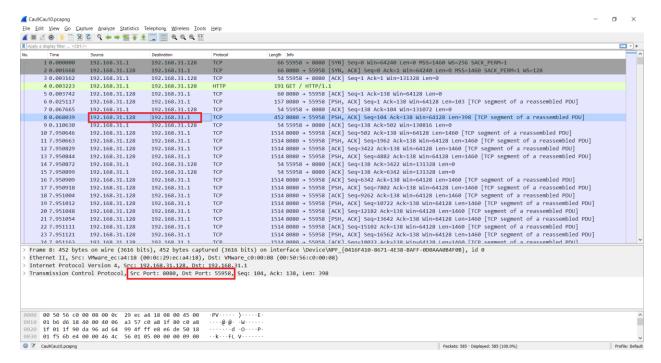
Port của client: 55958



8. Tìm địa chỉ IP của Server? Kết nối TCP dùng để gửi và nhận các segments sử dụng port nào?

Địa chỉ IP: 192.168.31.128

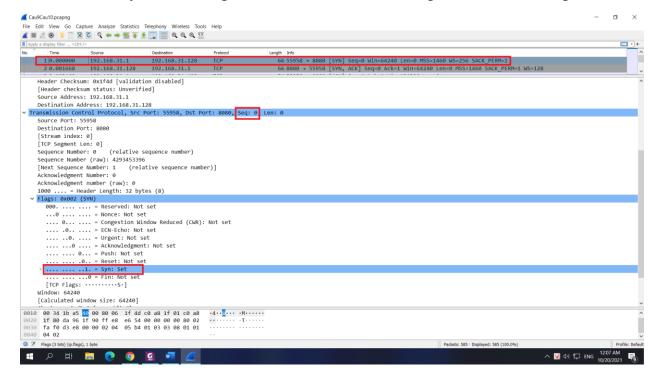
Port: 8080



9. TCP SYN segment (gói tin TCP có cờ SYN) sử dụng sequence number nào để khởi tạo kết nối TCP giữa client và server? Thành phần nào trong segment cho ta biết segment đó là TCP SYN segment?

TCP có cờ SYN được sử dụng sequence number 0 để khởi tạo kết nối.

Như hình thấy được Flags cờ SYN được set bằng 1=> là TCP segment



10. Tìm sequence number của gói tin SYN/ACK segment được gửi bởi server đến client để trả lời cho SYN segment?

Tìm giá trị của Acknowledgement trong SYN/ACK segment?

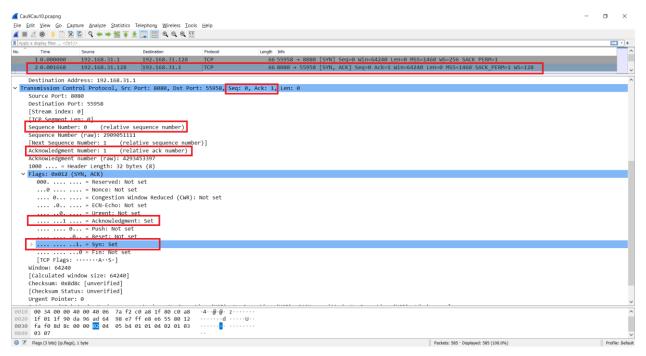
Làm sao server có thể xác định giá trị đó? Thành phần nào trong segment cho ta biết segment đó là SYN/ACK segment?

Thông tin trong ảnh cung cấp:

Sequence number: 0

Acknowledgement: 1

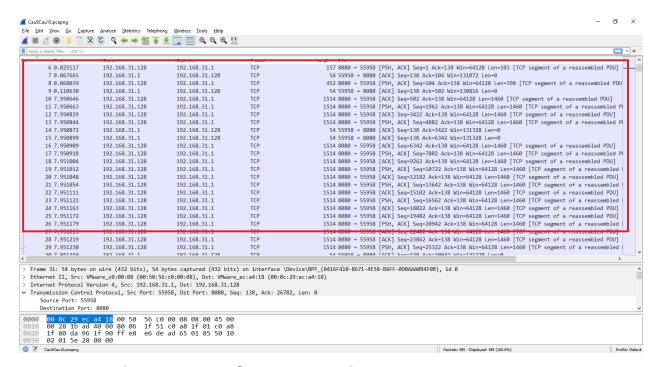
Giá trị của Acknowledgement trong gói SYN/ACK được xác định bởi server. Server khởi tạo sequence number đầu tiên (ISN) SYN segment từ client, là 0. => giá trị của Acknowledgement trong gói SYN/ACK là 1. Một segment se là một SYN/ACK segment nếu có cả cờ SYN và cờ ACK đều set là 1.



- 11. Chỉ ra 6 segment đầu tiên mà server gửi cho Client (dựa vào Số thứ tự gói No)
- Tìm sequence number của 6 segments đầu tiên đó?
- Xác định thời gian mà mỗi segment được gửi, thời gian ACK cho mỗi segment được nhân?

- Đưa ra sự khác nhau giữa thời gian mà mỗi segment được gửi và thời gian ACK cho mỗi segment được nhận bằng cách tính RTT (Round Trip Time) cho 6 segments này?

STT gói tin	Thời gian gửi	Thời gian nhận ack	RTT
6	0.025117	0.067665	0.042548
8	0.068039	0.11063	0.042591
10	7.950646	7.950872	0.000226
12	7.950829	7.950899	0.00007
16	7.950909	7.951359	0.00045
26	7.951179	7.951386	0.000207



Do có một số lỗi nên có thể xảy ra sai số

12. Có segment nào được gửi lại hay không? Thông tin nào trong quá trình truyền tin cho chúng ta biết điều đó?

Không có segment nào được gửi lại vì dựa trên hình của wireshark ta thấy không có 1 packet nào bị trùng số sequence number ở trong một thời gian khác nhau.

